

Số: 742/QĐ-KHTC

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Quy định mức học phí đào tạo bậc đại học hệ vừa làm vừa học  
năm học 2018-2019**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 4/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ GD&ĐT V/v Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng & các cơ sở giáo dục đại học thành viên

Căn cứ Quyết định số 36/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 28/6/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các đơn vị cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc.

Căn cứ Quyết định số 553/QĐ-ĐHNL-VLVH ngày 20/5/2016 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy định về tổ chức quản lý đào tạo hệ vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Nông Lâm;

Căn cứ vào các hợp đồng đã ký giữa Nhà trường với các cơ sở liên kết;

Theo đề nghị của các ông, bà: Trưởng phòng KHTC, Giám đốc Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay quy định mức thu học phí đào tạo bậc đại học hệ vừa làm vừa học (VLVH), văn bằng 2, liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên đại học hệ VLVH năm học 2018 - 2019 của Trường Đại học Nông Lâm.

(Có mức thu học phí từng ngành/chuyên ngành cụ thể kèm theo)

**Điều 2.** Nhà trường không tổ chức mở lớp nếu qui mô lớp học dưới 20 sinh viên.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

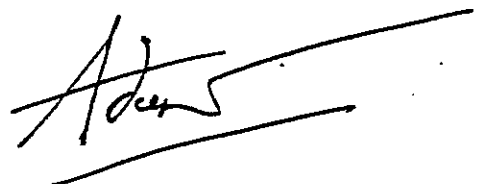
Các ông, bà: Trưởng phòng kế hoạch tài chính, Giám đốc trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội, các cơ sở liên kết, thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *M*

- Như điều 3;

- Lưu: VT, KHTC.

**HIỆU TRƯỞNG**



**QUY ĐỊNH MỨC HỌC PHÍ ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC  
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM HỌC 2018-2019**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KHTC ngày tháng năm 2018)

TT	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Mức thu học phí áp dụng đối với hệ VLVH chuẩn, liên thông, VB2 (Đồng/TC)
1	<b>Chăn nuôi</b> (Chuyên ngành: Chăn nuôi thú y)	356.000
2	<b>Nông nghiệp</b> (Chuyên ngành: Nông nghiệp công nghệ cao)	
3	<b>Phát triển nông thôn</b>	
4	<b>Kinh tế nông nghiệp</b>	
5	<b>Bất động sản</b> (Chuyên ngành Quản lý và kinh doanh bất động sản)	
6	<b>Quản lý tài nguyên rừng - kiểm lâm</b> (Chuyên ngành Quản lý tài nguyên rừng; Sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học)	
7	<b>Lâm nghiệp</b> (Chuyên ngành Lâm nghiệp; Nông Lâm kết hợp)	
8	<b>Khoa học cây trồng</b> (Chuyên ngành Trồng trọt; Công nghệ sản xuất cây dược liệu)	
9	<b>Bảo vệ thực vật</b>	
10	<b>Nuôi trồng thủy sản</b>	
11	<b>Khuyến nông</b>	
12	<b>Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan</b> (Chuyên ngành công nghệ sản xuất rau hoa quả)	
13	<b>Khoa học môi trường</b>	384.000
14	<b>Quản lý đất đai</b> (Chuyên ngành Quản lý đất đai; Địa chính - Môi trường)	
15	<b>Công nghệ kỹ thuật môi trường</b>	
16	<b>Quản lý tài nguyên và môi trường</b> (Chuyên ngành Du lịch sinh thái và quản lý tài nguyên)	
17	<b>Công nghệ sinh học</b>	
18	<b>Công nghệ thực phẩm: Công nghệ thực phẩm; Dinh dưỡng và thực phẩm chức năng</b>	
19	<b>Công nghệ sau thu hoạch</b> (Chuyên ngành: Bảo quản và chế biến nông sản)	
20	<b>Kinh tế tài nguyên thiên nhiên</b>	
21	<b>Thú y: Thú y; Dược - Thú y</b>	384.000